

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-PT

Ngày: 09-5-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Ông Tống Văn Viên

Ông Trần Văn Lực

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Nang, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST, ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 156/2022/QĐPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Ngô Phi L, sinh năm 1968, tên gọi khác Dũng (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn:

1. Ông Lý Trung H, sinh năm 1961 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Võ Hùng H - Văn phòng Luật sư Huy Hùng thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lý Thị N, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh B.

Địa chỉ tạm trú: Ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Ông Lý Trung H, bà Nguyễn Hồng T cùng là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ngô Phi L là nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 03/5/2020 đến ngày 26/10/2020, ông có bán vật liệu xây dựng (cát, đá, sỏi, xi măng, xà gồ, gạch men, gạch ống, tôn...) cho vợ chồng ông Lý Trung H và bà Nguyễn Hồng T để xây dựng nhà ở tại ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vào ngày 18/10/2020 (nhằm ngày 02/9/2020 âm lịch) ông tổng kết số nợ là 1.154.876.000 đồng, ông đem sổ ghi nợ đến nơi đang xây dựng nhà ở tại ấp C gặp vợ chồng ông H, bà T và ông yêu cầu họ ký xác nhận số nợ và vợ chồng ông H, bà T đã trực tiếp ký tên vào sổ xác nhận số nợ trên, khi đó có bà Lý Thị N trực tiếp chứng kiến. Sau đó, ông H mua thêm vật liệu xây dựng với số tiền 29.285.000 đồng. Đến ngày 22/10/2020 (nhằm ngày 06/9/2020 âm lịch), tổng cộng cả nợ cũ và nợ mới mà ông H, bà T thiếu ông là 1.184.161.000 đồng, cùng ngày 22/10/2020 ông H trực tiếp ký nhận số nợ trên. Do ông H, bà T không trả nợ nên trước đây ông có khởi kiện ông H, bà T để đòi tiền, khi được Tòa án mời các bên lên hòa giải thì ông H viết “Giấy thỏa thuận” ghi ngày 11/01/2021 với nội dung là ông H thừa nhận còn thiếu số nợ như nêu trên và hứa 03 tháng trả 300.000.000 đồng nên ông rút đơn khởi kiện nhưng ông H không thực hiện đúng lời hứa. Sau đó, ông H kêu bà N đưa trả cho ông số tiền 84.161.000 đồng (trả vào ngày 08/4/2021) và có làm biên nhận, khi đó ông có nói với ông H là ai đưa tiền cũng được nhưng số tiền này ông coi như ông H trả nợ cho ông. Số tiền còn thiếu lại là 1.100.000.000 đồng thì ông H không tiếp tục trả nữa.

Nay ông yêu cầu ông H và bà T trả cho ông số tiền mua vật liệu xây dựng còn thiếu là 1.100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm từ ngày 26/10/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo lời khai của ông Lý Trung H là bị đơn trình bày:

Số tiền nợ mua vật liệu xây dựng là 1.100.000.000 đồng là ông mua dùm cho bà Lý Thị N, còn phần ký tên vào sổ nợ của ông L là do ông L yêu cầu ông H ký xác nhận là ông L có bán thiếu vật liệu xây dựng cho bà N để xây dựng nhà, khi nào bà N bán được nhà thì sẽ trả tiền cho ông L. Việc ông ký nhận nợ dùm cho bà N trong sổ mua vật liệu xây dựng của ông L thì giữa ông với ông L và bà N thỏa thuận là ông ký nhận nợ dùm bà N, trách nhiệm trả nợ cho ông L là thuộc về bà N nhưng việc thỏa thuận đó chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ gì. Chữ ký tên trong sổ bán vật liệu xây dựng của ông L là do ông H trực tiếp ký tên, vợ ông H là bà T hoàn toàn không hay biết. Số nợ trên là của bà N, ông không có trách nhiệm phải trả số nợ trên cho ông L.

Bị đơn bà Nguyễn Hồng T khai như sau:

Bà là vợ của ông Lý Trung H, bà không biết gì về việc ông H mua vật liệu xây dựng của ông L. Sau này bà mới biết là ông H mua vật liệu xây dựng dùm bà

Lý Thị N để xây nhà bán. Khi nào bán được nhà thì bà N sẽ trả nợ cho ông L (việc này do bà N nói cho bà biết). Bà không có quen biết gì với ông L và cũng chưa từng gặp ông L. Việc ông L cho rằng bà có viết tên “Hồng Tâm” xác nhận nợ cùng ông H ký vào sổ chốt nợ với số tiền là 1.154.876.000 đồng là không đúng, hai chữ “Hồng Tâm” không phải do bà viết ra. Nay ông L kiện yêu cầu ông H và bà T trả nợ thì bà không đồng ý, vì số nợ trên là do ông H mua vật liệu xây dựng dùm bà N thì bà N có trách nhiệm trả nợ cho ông L.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị N trình bày như sau:

Bà N với vợ chồng ông H và bà T có hùn với nhau mua đất, xây dựng nhà trọ để bán lại kiếm lời (đất ở ấp C, xã H). Do bà không có hộ khẩu ở huyện C nên giao cho ông H đứng tên quyền sử dụng. Bà là người bỏ công thiết kế và trực tiếp xây dựng công trình trên đất. Còn ông H và bà T trực tiếp chịu trách nhiệm đứng ra mua vật liệu xây dựng của ông Ngô Phi L, khi đứng ra giao dịch mua bán vật liệu xây dựng thì giữa ông L và ông H thỏa thuận giá cả mua bán với nhau chứ không có bà cùng thỏa thuận mua bán. Bên giao hàng là ông Ngô Phi L, bên ký giấy xác nhận vật liệu xây dựng là ông H, còn vật liệu xây dựng thì đổ tại ấp Chông Nô 3, nơi có đất đang xây dựng công trình, bà chỉ là người dùng vật liệu xây dựng đó để xây nhà trọ.

Đến khi công trình cơ bản hoàn thành thì ông H bà T có tổ chức ăn mừng và có mời ông L tham dự và cũng có bà (bà không nhớ rõ ngày nhưng khoảng tháng 9 năm 2020 âm lịch). Lúc đó, bà và ông L mới gặp nhau, cùng lúc đó bà trực tiếp chứng kiến và nghe ông L nói “Bữa nay tôi qua gặp được thêm, sẵn có chú thêm ký chốt nợ dùm tôi”, bà thấy ông H, bà T trực tiếp ký vào sổ nợ của ông L, còn số nợ cụ thể bà không nhớ rõ. Sau đó, ông H có mua vật liệu xây dựng thêm mấy chục triệu đồng nữa, số nợ cuối cùng mà ông H ký với ông L là 1.184.000.000 đồng. Trước đây, do ông H không chịu thương lượng với ông L nên ông L đã khởi kiện ông H và được Tòa án thụ lý giải quyết, nhưng ông H đã viết giấy thỏa thuận trả nợ với ông L nên ông L đã rút đơn khởi kiện nhưng sau đó ông H không thực hiện đúng thỏa thuận nên khi bà bán được căn nhà nên đã đem trả cho ông L số tiền 100.000.000 đồng phụ với ông H số nợ trên nhưng ông L chỉ nhận số tiền nợ lẽ là 84.000.000 đồng; số nợ ông H còn thiếu lại ông L chẵn là 1.100.000.000 đồng. Do bà và ông H hùn làm công trình xây dựng bán kiếm lời thì chia hai nên bà thống nhất tự nguyện cùng ông H trả số nợ trên cho ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2022/DS-ST, ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Phi L.

Buộc ông Lý Trung H và bà Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Phi L tổng số tiền nợ mua vật liệu xây dựng là 1.246.391.111 đồng, trong đó số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng và tiền lãi là 146.361.111 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/3/2022 ông Lý Trung H và bà Nguyễn Hồng T kháng cáo không đồng ý trả nợ cho ông Ngô Phi L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn:

Trước tháng 7/2020 ông Lý Trung H có mua vật liệu xây dựng của ông L để cất nhà và đã thanh toán xong. Phần nợ sau tháng 7/2020 là nợ của bà Lý Thị N mua của ông L, ông H chỉ ký xác nhận số nợ để cho bà N trả cho ông L và bà N cũng đồng ý trả số nợ này cho ông L. Bà T không biết số nợ này nên đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa triệu tập lại các đương sự để đối chất tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kháng cáo của các bị đơn là không có căn cứ chấp nhận đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, luật sư và kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H và bà T không đồng ý trả nợ cho ông L.

Qua các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện như sau:

Thứ nhất, sổ ghi chép vật tư mua bán của ông L cung cấp thể hiện đến ngày 18/10/2020 (bút lục 25) ông L có tổng kết số nợ thành tiền là 1.154.876.000 đồng, ông H có ký tên ghi rõ họ tên và bà T viết tên “Hồng Tâm” để xác nhận nợ. Ngày 22/10/2021 tổng kết số tiền bán vật liệu xây dựng cho ông H, bà T là 1.184.161.000 đồng, ông H có ký tên để xác nhận nợ.

Thứ hai, sau ký tên xác nhận nợ ông H bà T không trả nợ, ông L khởi kiện ra Tòa án, vào ngày 11/01/2021 ông H tự mình viết “Giấy thỏa thuận” thừa nhận còn thiếu nợ ông L với số tiền là 1.184.161.000 đồng, ký tên và ghi rõ họ tên. Nên ông L rút đơn khởi kiện.

[2] Ông H thừa nhận ông H là người trực tiếp ký tên xác nhận nợ vào sổ ghi chép của ông L nhưng chỉ là ký nhận nợ thay cho bà N. Do bà N không quen biết với ông L nên nhờ ông H mua dùm bà N, còn trách nhiệm trả nợ cho ông L là thuộc về bà N. Ông L không thừa nhận có sự thỏa thuận này và ông khẳng định là ông L chỉ bán vật liệu xây dựng cho ông H bà T, việc bà N với ông H có thỏa thuận là ông H chỉ đứng ra mua dùm vật liệu cho bà N và bà N có trách nhiệm trả nợ cho ông L thì ông L không biết việc thỏa thuận này và cũng không đồng ý việc chuyển giao nghĩa vụ từ ông H sang cho bà N. Theo quy định tại Điều 370 Bộ luật dân sự quy định về chuyển giao nghĩa vụ như sau: “*Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa*

vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý” nên việc ông H bà T cho rằng bà N có nghĩa vụ trả số nợ trên cho ông L là không có căn cứ chấp nhận.

Từ các căn cứ trên, yêu cầu kháng cáo của ông Lý Trung H, bà Nguyễn Hồng T là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Ý kiến của vị luật sư đề nghị triệu tập bà N và bà T để đối chất là không cần thiết vì các đương sự có bản tự khai, Tòa án cấp sơ thẩm cũng có ghi lời khai các đương sự, có tổ chức phiên đối chất giữa các đương sự và trưng cầu giám định chữ ký tên của bà Hồng Tâm nên đề nghị này của vị luật sư không có căn cứ chấp nhận.

[4] Ý kiến của vị kiểm sát viên là phù hợp với chứng cứ và tình tiết của vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Lý Trung H, bà Nguyễn Hồng T có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm do là đối tượng gia đình chính sách (thân nhân liệt sĩ) nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 370, Điều 430, Điều 433, Điều 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Trung H, bà Nguyễn Hồng T.

Sửa bản án sơ thẩm số 04/2022/DS-ST, ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C về án phí.

Tuyên xử:

Buộc ông Lý Trung H và bà Nguyễn Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Phi L tổng số tiền nợ mua vật liệu xây dựng là 1.246.391.111 đồng (*Một tỷ hai trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm chín mươi một ngàn một trăm mười một đồng*) trong đó số tiền gốc là 1.100.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm triệu đồng*) và tiền lãi là 146.361.111 đồng (*Một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi một ngàn một trăm mười một đồng*).

Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho Lý Trung H và bà Nguyễn Hồng T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không tiếp tục có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung